

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIAO THỦY  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 -3-2020

V/v: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH  
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Ngọc Duyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Xuân Trường.

Ông Nguyễn Thanh Tuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 16/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị M; sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm N, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Viết X; sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm N, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

*Người làm chứng:* NLC; địa chỉ: Xóm N, xã B, huyện A, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Viết X tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã Giao Nhân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/12/2014. Sau khi kết hôn, anh X không đưa kinh tế cho chị duy trì cuộc sống và nuôi con, chị phải làm để trang trải cuộc sống gia đình và nuôi con gái. Anh X đi làm xa, không liên lạc hỏi thăm về gia đình, nhiều lần xảy ra cãi vã mỗi khi về quê. Việc này diễn ra thường xuyên kể

từ ngày cưới. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh X, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh X.

Về việc nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thanh Ch, sinh ngày 10/7/2016, hiện nay con chung đang ở với chị. Nguyện vọng của chị là tiếp tục được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh X cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Đối với chị đơn anh Nguyễn Viết X:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh X nhưng anh X không trực tiếp trình bày quan điểm và không chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

*Người làm chứng NVC trình bày:* Anh Nguyễn Viết X là con trai ông. Việc chị M làm đơn ly hôn con trai ông không nhất trí ly hôn vì gia đình ông theo Công giáo, luật Công giáo không thể ly hôn được,. Nếu phía chị M muốn ly hôn phải xuống gia đình ông để nói và gặp Cha Xứ. Việc ly hôn là chị M làm và phải chịu trách nhiệm về việc ly hôn. Đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết theo pháp luật. Vợ chồng X, M có 01 con chung và đang ở với chị M như chị M trình bày.

*Kết quả xác minh tại xã Giao Nhân thấy:* Các đương sự trình bày là đúng.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Viết X; giao cháu Nguyễn Thanh Ch, sinh ngày 10/7/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận việc chị M không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Chị Đỗ Thị M có đơn đề nghị xử vắng mặt, anh Nguyễn Viết X được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên có căn cứ và đủ điều kiện xét xử vắng mặt cả hai đương sự như quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Viết X kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa chị M và anh X không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay. Chị M xin ly hôn, anh X không nhất trí ly hôn vì anh theo luật Công giáo, anh X không tới Tòa án tham gia hòa giải và giải quyết. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị M xin ly hôn anh Nguyễn Viết X.

[3] Về việc nuôi con: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Thanh Ch, sinh ngày 10/7/2016. Căn cứ vào kết quả xác minh, nguyện vọng, điều kiện nuôi con của các đương sự; đủ cơ sở giao con chung cho chị Đỗ Thị M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Viết X có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ghi nhận việc chị M không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét điều chỉnh.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị M là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị M và anh Nguyễn Viết X.

2. Về việc nuôi con: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho chị Đỗ Thị M trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là: Nguyễn Thanh Ch, sinh ngày 10/7/2016; ghi nhận việc chị Đỗ Thị M không yêu cầu anh Nguyễn Viết X cấp dưỡng nuôi con chung; anh Nguyễn Viết X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc Chị Đỗ Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001191 ngày 06/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; chị Đỗ Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã B: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Duyên**